

op/ M-chen → Hg bao

leby
5/6/18

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO

Về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì
thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia
thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ
phát triển bền vững Vùng Tây Nam bộ trong năm 2019

Thực hiện Quyết định số 385/QĐ-ĐHQG ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ (lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học Công nghệ và Môi trường) thuộc Chương trình KH&CN phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ đặt hàng để tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện trong năm 2019. Văn phòng Chương trình Tây Nam Bộ (VPCT) thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nêu trên (*danh mục kèm theo*) theo phương thức và kế hoạch thực hiện như sau:

1. Phương thức tuyển chọn được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/ 6/ 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Chi tiết xem tại website của Bộ Khoa học và Công nghệ tại địa chỉ: <http://www.most.gov.vn>.

2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được chuẩn bị theo các biểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 08/2017/TT-BKHCN (*Phụ lục 2 kèm theo*), được đăng tải trên website của Bộ Khoa học và Công nghệ tại địa chỉ: <http://www.most.gov.vn> và website của Chương trình Tây Nam Bộ: <http://www.cttnb.org.vn>.

Hồ sơ bao gồm:

- 01 bản gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp);
- 11 bản photo;
- 01 bản điện tử của hồ sơ trên USB.

3. Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/ 12/ 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính.

4. Nơi nhận hồ sơ: Văn phòng Chương trình Tây Nam bộ, Phòng 301, Lầu 2, Dãy nhà B2, Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh , số 268 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thời hạn nhận hồ sơ: Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được gửi theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến Văn phòng Chương trình Tây Nam bộ.

+ Thời hạn nhận hồ sơ tại Văn phòng Chương trình Tây Nam bộ bắt đầu từ ngày đăng Thông báo này đến **16h00, thứ tư, ngày 20 tháng 6 năm 2018**;

+ Ngày chứng thực nhận hồ sơ - trường hợp gửi qua bưu điện - là ngày ghi trên dấu đến của Văn Thu.

Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

Chi tiết xin liên hệ: CV Đào Thị Giang, điện thoại: 0973930203; Email: tragiang2692@gmail.com.

6. Thời gian và địa điểm mở hồ sơ: vào lúc **16h30 thứ tư, ngày 20 tháng 6 năm 2018** tại Văn phòng Chương trình Tây Nam bộ, Phòng 301, Lầu 2, Dãy nhà B2, Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, số 268 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng Chương trình Tây Nam bộ trân trọng thông báo.

(Thông báo này cũng được đăng tải trên website của Chương trình Tây Nam bộ: <http://www.cttnb.org.vn./>).

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (thay báo cáo)
- Giám đốc ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Chủ tịch Viện HLKHXH VN (để báo cáo);
- BCN Chương trình TNB (để báo cáo);
- Vụ KHXHNV&TN-Bộ KH&CN;
- Ban KH&CN-ĐHQG-HCM;
- UBND Tỉnh/Thành phố và Sở KH&CN của 13 Tỉnh/TP vùng TNB (để phối hợp);
- Các Viện, Trường, tổ chức, cá nhân liên quan;
- Các Website: ĐHQG-HCM; Viện HLKHXH Việt Nam và Chương trình Tây Nam bộ;
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Thành Quân



Phụ lục 1

(Kèm theo Thông báo số 02 /TB-VPCT ngày 20 tháng 04 năm 2018 của VPCT)

DANH MỤC HỒ SƠ

ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN

CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TÂY NAM BỘ THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Hồ sơ pháp lý của tổ chức chủ trì:

a) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì;

b) Điều lệ hoạt động của tổ chức chủ trì (nếu có);

2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia (Biểu B1-1-DON);

3. Thuyết minh đề tài (Biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH); thuyết minh dự án SXTN (Biểu B1-2c-TMDA); thuyết minh đề án (Biểu B1-2d-TMĐA). Thuyết minh dự án KHCN được chuẩn bị theo biểu mẫu của từng chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia tương ứng;

4. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (Biểu B1-3-LLTC);

5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (Biểu B1-4-LLCN);

6. Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (Biểu B1-4-LLCN), trong đó có kê khai mức lương chuyên gia (trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thuê chuyên gia);

7. Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (Biểu B1-5-PHNC);

8. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (thời gian báo giá không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ). Báo giá được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung trước thời điểm họp thẩm định kinh phí (nếu cần);

9. Báo cáo tài chính của 02 đến 03 năm gần nhất của tổ chức chủ trì đã nộp các cơ quan quản lý theo quy định;

10. Phương án huy động vốn đối ứng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia phải có vốn đối ứng. Văn bản cụ thể cần có cho từng trường hợp trong phương án huy động vốn đối ứng như sau:

a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: Hồ sơ minh chứng tổ chức chủ trì có thể huy động được nguồn vốn tự có để thực hiện nhiệm vụ.

b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: Cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ

c) Đối với trường hợp vay tổ chức tín dụng: Cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng còn hiệu lực của tổ chức tín dụng đối với tổ chức chủ trì. Trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, nếu Tổ thẩm định kinh phí có yêu cầu, tổ chức chủ trì bổ sung Hợp đồng tín dụng cho nhiệm vụ với tổng giá trị hợp đồng tín dụng đảm bảo được vốn đối ứng thực hiện nhiệm vụ;

11. Tài liệu liên quan khác, nếu tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ hoặc đơn vị quản lý cần làm rõ thông tin trong quá trình tuyển chọn và thẩm định nhiệm vụ.

Phụ lục 2

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG CHƯƠNG TRÌNH TÂY NAM BỘ**



DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

LĨNH XỨC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TÂY NAM BỘ ĐẶT HÀNG ĐỂ TUYỂN CHỌN THỰC HIỆN NĂM 2019

(Đính kèm Thông báo số 02/TB-VPCT ngày 20 tháng 04 năm 2018 của Văn phòng Chương trình Tây Nam bộ)

TT	Tên đề tài/dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
1	Nghiên cứu phát triển chế phẩm hỗ trợ điều trị sốt xuất huyết từ lá Đu đủ (<i>Carica papaya</i>) và một số dược liệu ở vùng Tây Nam Bộ	Nghiên cứu được chế phẩm PapayUp từ lá Đu đủ (<i>Carica papaya</i>) và một số dược liệu ở vùng Tây Nam Bộ dùng để hỗ trợ điều trị sốt xuất huyết, chế phẩm được chứng minh tác dụng giúp tăng tiêu cầu, hạ sốt trên động vật thực nghiệm.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất đối chiếu từ lá Đu đủ và dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn: mỗi loại dược liệu 01 g chất đối chiếu tương ứng. - 25 kg bán thành phẩm cao định chuẩn Đu đủ đạt TCCS và có độ ổn định tối thiểu 12 tháng. - 25 kg bán thành phẩm cao định chuẩn của dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn đạt TCCS và có độ ổn định tối thiểu 12 tháng. - 300.000 viên thành phẩm PapayUp hoặc 10.000 hộp PapayUp mỗi hộp 30 viên. - 20.000 lọ siro PapayUp. - Báo cáo về kết quả phân lập và xác định cấu trúc các hợp chất từ lá Đu đủ. - Báo cáo tác dụng hạ sốt của một số dược liệu ở miền Tây Nam Bộ. - Báo cáo về kết quả phân lập và xác định cấu trúc các hợp chất 	Tuyển chọn

TT	Tên đề tài/dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
			<p>từ dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình chiết xuất cao định chuẩn Đu đủ quy mô 100 kg/mẻ. - Quy trình chiết xuất cao định chuẩn dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn ở quy mô 100 kg/mẻ. - Báo cáo tác dụng tăng tiêu cầu của cao định chuẩn Đu đủ. - Báo cáo tác dụng hạ sốt của cao định chuẩn của dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn. - Báo cáo tác dụng dược lý của hỗn hợp cao định chuẩn Đu đủ và cao định chuẩn của dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn theo hướng hỗ trợ điều trị sốt xuất huyết (tập trung vào tác dụng giúp tăng tiêu cầu và hạ sốt). - Quy trình bào chế thành phẩm viên PapayUp quy mô 100.000 viên/mẻ; - Quy trình bào chế thành phẩm siro PapayUp quy mô 5.000 lọ/mẻ. - Tiêu chuẩn cơ sở nguyên liệu lá Đu đủ. - Tiêu chuẩn cơ sở nguyên liệu của dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn. - Tiêu chuẩn cơ sở bán thành phẩm cao định chuẩn Đu đủ. - Tiêu chuẩn cơ sở bán thành phẩm cao định chuẩn của dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn. - Tiêu chuẩn cơ sở thành phẩm viên PapayUp. - Tiêu chuẩn cơ sở thành phẩm siro PapayUp. - Báo cáo độ an toàn của bán thành phẩm cao định chuẩn Đu 	

TT	Tên đề tài/dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
			<p>đủ (độc tính cấp và bán trường diễn).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo độ an toàn của bán thành phẩm cao định chuẩn của dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn (độc tính cấp và bán trường diễn). - Báo cáo độ an toàn của hỗn hợp cao định chuẩn lá Đu đủ và cao định chuẩn của dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn (độc tính cấp và bán trường diễn). - Báo cáo độ ổn định của bán thành phẩm cao định chuẩn Đu đủ 12 tháng. - Báo cáo độ ổn định của bán thành phẩm cao định chuẩn của dược liệu có tác dụng hạ sốt được lựa chọn (12 tháng). - Báo cáo độ ổn định của thành phẩm viên PapayUp (12 tháng). - Báo cáo độ ổn định của thành phẩm siro PapayUp (12 tháng). - 02 thực phẩm bảo vệ sức khỏe được Cục An toàn thực phẩm cấp số đăng ký. - Đăng ký sở hữu trí tuệ: 01 giải pháp hữu ích được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ. - Đào tạo: ít nhất 01 Thạc sỹ. - Công bố: ít nhất 02 bài báo tạp chí trong nước. 	
2	Xây dựng cơ chế và mô hình liên kết vùng Tây Nam Bộ trên	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được đặc điểm và quy luật tự nhiên của vùng Đồng Tháp Mười. - Đánh giá được hiện trạng về kinh tế - xã hội, cơ chế liên kết 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá đặc điểm và quy luật tự nhiên của vùng Đồng Tháp Mười. - Báo cáo đánh giá hiện trạng về kinh tế - xã hội, cơ chế liên kết vùng và các mô hình liên kết tại vùng Đồng Tháp Mười từ 	Tuyển chọn

TT	Tên đề tài/dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
	cơ sở quản lý tài nguyên nước và phát triển nông nghiệp gắn liền với sinh kế hộ nông thôn: thí điểm vùng Đồng Tháp Mười.	<p>vùng và các mô hình liên kết tại vùng Đồng Tháp Mười từ 2010 đến nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cơ chế liên kết vùng Đồng Tháp Mười trên cơ sở quản lý tài nguyên nước và phát triển nông nghiệp. - Xây dựng các mô hình sinh kế bền vững trên cơ sở liên kết vùng Đồng Tháp Mười, quản lý tài nguyên nước và phát triển nông nghiệp gắn liền với sinh kế hộ nông thôn. - Thí điểm áp dụng mô hình sinh kế bền vững trên cơ sở liên kết vùng tại vùng Đồng Tháp Mười. - Đánh giá được tác động và hiệu quả của các mô hình sinh kế. - Khuyến nghị chính sách cần thiết để hành động nhằm liên kết cho vùng Đồng Tháp Mười. 	<p>2010 đến nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và khuyến nghị cơ chế liên kết vùng trên cơ sở quản lý tài nguyên nước và phát triển nông nghiệp trong phát triển bền vững vùng Đồng Tháp Mười. - Xây dựng được các mô hình sinh kế bền vững trên cơ sở liên kết vùng, quản lý tài nguyên nước và phát triển nông nghiệp gắn liền với sinh kế hộ nông thôn. - Thí điểm áp dụng mô hình sinh kế bền vững trên cơ sở liên kết vùng tại vùng Đồng Tháp Mười. - Báo cáo đánh giá được tác động và hiệu quả của các mô hình sinh kế. - Báo cáo khuyến nghị chính sách cần thiết để hành động nhằm liên kết cho vùng Đồng Tháp Mười. - Tập huấn xây dựng mô hình sinh kế bền vững gắn liền với sinh kế hộ nông thôn cho 100 nông hộ/ cán bộ khuyến nông. - Đào tạo: ít nhất 02 Thạc sỹ. - Công bố: ít nhất 02 bài báo tạp chí trong nước. - Có đăng ký sản phẩm sở hữu trí tuệ. 	
3	Dự án SXTN: Hoàn thiện công nghệ thiết kế chế tạo một số dòng thiết bị phục vụ cho chế biến	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được hiện trạng thiết bị, công nghệ của 2 dòng thiết bị gồm bóc vỏ dừa và lột vỏ nâu hiện có tại DBSCL. - Đề xuất và hoàn thiện được công nghệ của 2 dòng thiết bị gồm: bóc vỏ dừa và lột vỏ nâu, đảm bảo hiệu quả, an toàn vệ sinh thực phẩm theo các qui định hiện hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hiện trạng thiết bị, công nghệ của 02 dòng thiết bị gồm bóc vỏ dừa và lột vỏ nâu hiện có tại DBSCL. - Báo cáo đánh giá và chọn được công nghệ của 02 dòng thiết bị gồm: bóc vỏ dừa và lột vỏ nâu, đảm bảo hiệu quả, an toàn vệ sinh thực phẩm theo các qui định hiện hành. - Các tập hồ sơ thiết kế 02 dòng thiết bị trên theo các công nghệ tối ưu lựa chọn được. 	Tuyển chọn

TT	Tên đề tài/dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
	dừa xuất khẩu.	<p>thực phẩm theo các qui định hiện hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được giải pháp thiết kế cho 2 dòng thiết bị gồm: bóc vỏ dừa và lột vỏ nâu và chế tạo một số mẫu thiết bị cho 2 dòng sản phẩm trên. - Đánh giá được hiệu quả kinh tế trong ứng dụng thiết bị vào sản xuất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chế tạo 02 thiết bị lột vỏ dừa: Công suất 200-240 trái/giờ, đạt tuổi thọ cao và hiệu quả kinh tế, tiết kiệm năng lượng, giá thành rẻ. - Chế tạo 04 thiết bị gọt vỏ nâu, với các chỉ tiêu như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Công suất loại 1 : 200 - 250 trái/giờ, 02 thiết bị; + Công suất loại 2: 100-120 trái/giờ, 02 thiết bị; + Tỉ lệ trắng 100%; + Tỉ lệ thu hồi cao hơn thiết bị hiện tại tối thiểu 5-10%; - Đánh giá được hiệu quả kinh tế trong ứng dụng thiết bị vào sản xuất. - Tập huấn sử dụng thiết bị cho ít nhất 50 hộ dân. - Chuyển giao công nghệ cho một số địa phương tại DBSCL để nhân rộng. - Đào tạo: ít nhất 02 Thạc sỹ. - Công bố: ít nhất 02 bài báo tạp chí trong nước. - Có đăng ký sản phẩm sở hữu trí tuệ. 	
4	Dự án SXTN: Hoàn thiện công nghệ sấy băng hiệu ứng nhà kính tích hợp giám sát và dự báo thông minh cho các	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được hiện trạng công nghệ sấy và bảo quản nông sản băng hiệu ứng nhà kính tại DBSCL. - Đề xuất và hoàn thiện công nghệ sấy và bảo quản nông sản băng hiệu ứng nhà kính tích hợp công nghệ 4.0. - Đề xuất được giải pháp công 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hiện trạng công nghệ sấy và bảo quản nông sản băng hiệu ứng nhà kính tại DBSCL. - Báo cáo đánh giá và lựa chọn công nghệ tối ưu trong sấy và bảo quản nông sản băng hiệu ứng nhà kính tích hợp công nghệ 4.0. - 03 Tập hồ sơ thiết kế hệ thống sấy và bảo quản nông sản băng hiệu ứng nhà kính tích hợp công nghệ 4.0 phù hợp với các loại nông sản gồm (Trái cây, Thủy sản và Dược liệu). 	Tuyển chọn

TT	Tên đề tài/dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
	sản phẩm đặc trưng vùng Tây Nam Bộ.	nghệ và thiết kế hệ thống sấy và bảo quản nông sản bằng hiệu ứng nhà kính tích hợp công nghệ 4.0. - Chế tạo một số mô hình sấy nông sản gồm: + Trái xoài, trái nhãn; + Cá lóc, cá tra; + Dược liệu. - Đảm bảo chất lượng sản phẩm sau khi sấy theo các qui định trong thực tế, hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường. - Đánh giá được hiệu quả kinh tế.	- Xây dựng được một số mô hình theo các đối tượng nông sản gồm: + Trái cây: Trái xoài, trái nhãn; + Thủy sản: Cá lóc, Cá tra; + Dược liệu. - Đảm bảo chất lượng sản phẩm sau khi sấy tương tự như các thiết bị hiện có và phù hợp theo các qui định trong thực tế. - Đánh giá hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường. - Tập huấn sử dụng hệ thống cho ít nhất 50 hộ dân. - Chuyển giao công nghệ cho một số địa phương tại DBSCL để nhân rộng. - Đào tạo: ít nhất 02 Thạc sĩ. - Công bố: ít nhất 02 bài báo tạp chí trong nước. - Có đăng ký sản phẩm sở hữu trí tuệ.	
5	Dự án SXTN: Ứng dụng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá bông lau (<i>Pangasius krempfi</i>).	- Hoàn thiện và ổn định qui trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá bông lau; - Ứng dụng và đánh giá hiệu quả qui trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá bông lau ở qui mô sản xuất thử nghiệm. - Chuyển giao công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá bông lau.	+ Qui trình sản xuất giống và ương nuôi cá bông lau đạt các chỉ tiêu kỹ thuật như: - Đàn cá bố mẹ: 200 con, kích cỡ 2,5-3 kg; - Tỉ lệ cá nuôi vỗ thành thục: >60% và cá đực >50%; - Tỉ lệ cá thành thục tham gia sinh sản: >75%; - Tỉ lệ thụ tinh của trứng: >60%; - Tỉ lệ nở: >70%; - Tỉ lệ sống giai đoạn ương: cá hương 20-25 ngày tuổi: >70%; và cá giống 60 ngày tuổi (tính từ giai đoạn cá	Tuyển chọn

TT	Tên đề tài/dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện
			<p>hương): >70%.</p> <p>+ Quí trình nuôi thương phẩm cá bông lau trong ao nước lợ và trong bè nước ngọt với các chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỉ lệ sống trong nuôi ao nước lợ >80% và trong bè nước ngọt >85%; - Kích cỡ: >1 kg sau 12 tháng nuôi; - Năng suất nuôi ao: >1,5 tấn/1.000 m²; và >20 kg/m³ bè; - Hệ số tiêu tốn thức ăn viên công nghiệp (FCR): <1,5. <p>+ Chuyển giao qui trình sản xuất giống, ương cá giống và nuôi thương phẩm qui mô sản xuất cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 02 trại sản xuất giống và ương cá bột lên cá hương và cá hương lên cá giống đạt sản lượng 100.000 cá giống cỡ 8-10 g/con; - 02 cơ sở nuôi thương phẩm trong ao (2.000 m² ao nuôi/cơ sở) và 02 cơ sở nuôi lồng/bè nước ngọt (40 m³ bè/cơ sở) đạt sản lượng 7,6 tấn cá thương phẩm (01 kg/con sau 12 tháng nuôi). <p>+ Tập huấn qui trình sản xuất giống và ương cá bột lên giống cho ít nhất 10 cơ sở và nuôi thương phẩm cho ít nhất 50 hộ dân.</p> <p>+ Đào tạo: ít nhất 02 thạc sỹ.</p> <p>+ Công bố ít nhất 2 bài báo tạp chí trong nước.</p> <p>+ Có đăng ký sản phẩm sở hữu trí tuệ.</p>	

Danh sách bao gồm 05 nhiệm vụ KH&CN/.